FireAnt

CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (HNX: PPS)

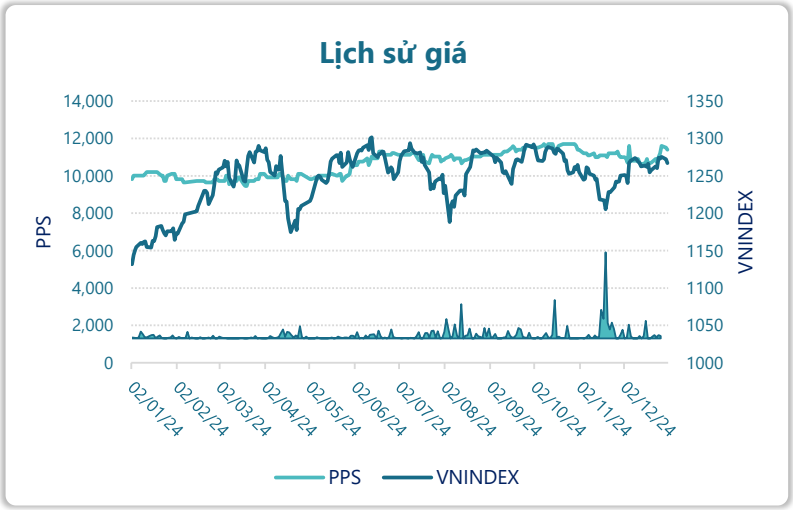

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,454
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,940
% sở hữu nước ngoài	29.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	171
P/E	9.3
EPS	1,225

DT thuần

Q4/24

162

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 98.7| 156%

YoY: ▲ 40.0| 32.9%

LN sau thuế

Q4/24

5.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.66| 41.1%

YoY: ▲ 0.42| 8.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.4%

+/- YoY: ▼ 1.4%

DT thuần

2024

373

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 69.0| 22.7%

LN sau thuế

2024

18.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.90| 5.1%

ROE

2024

9.8%

+/- YoY: ▲ 0.5%

Kết quả kinh doanh

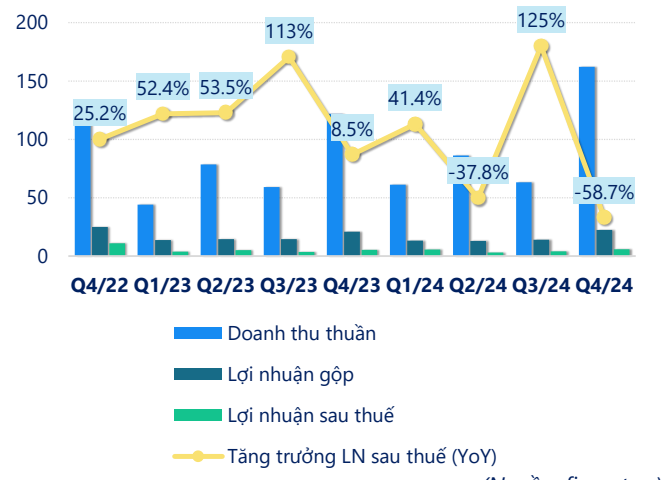

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

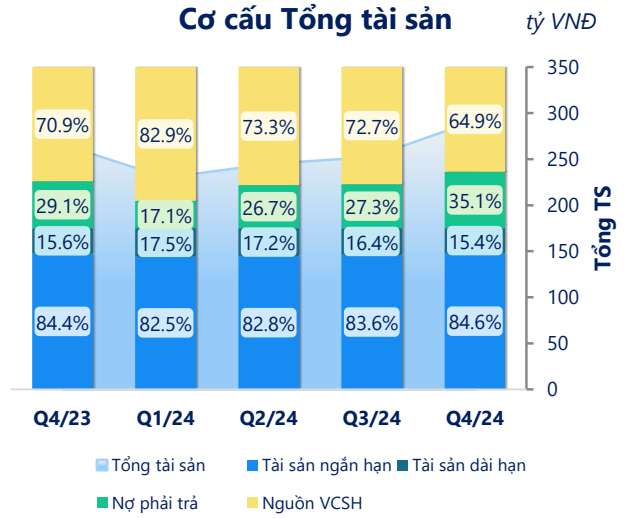

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

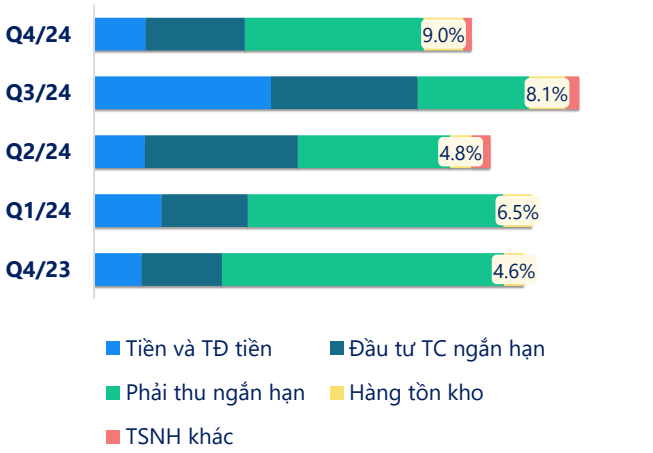

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

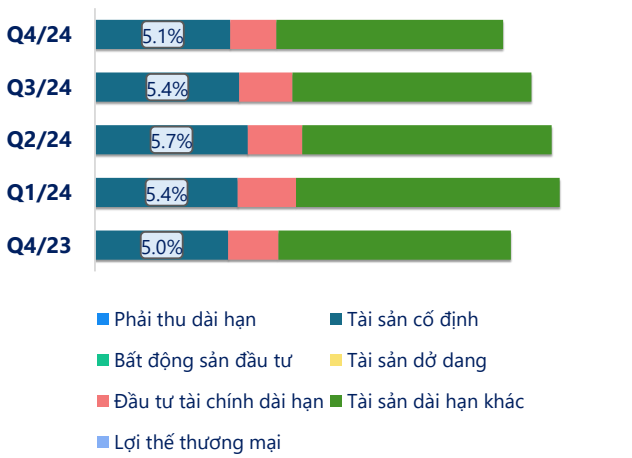

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

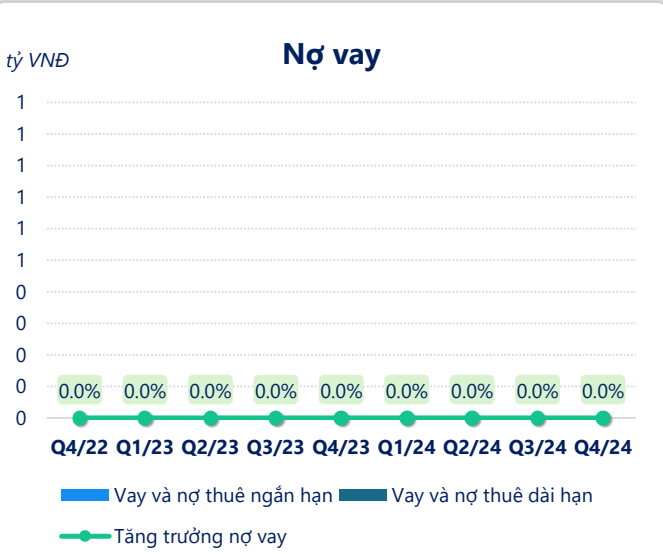

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

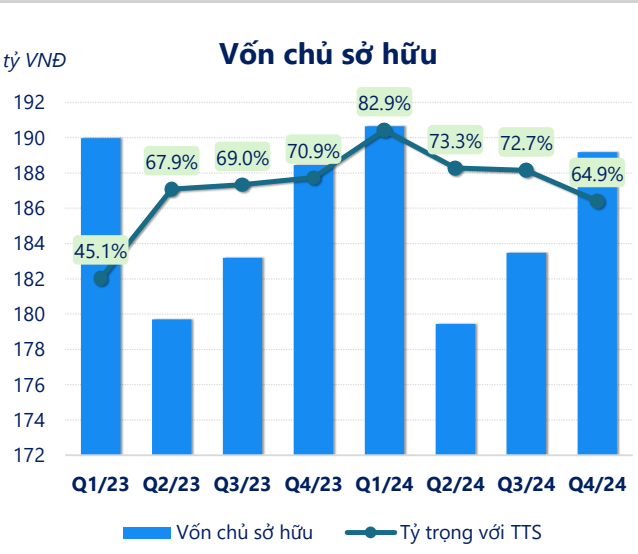

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

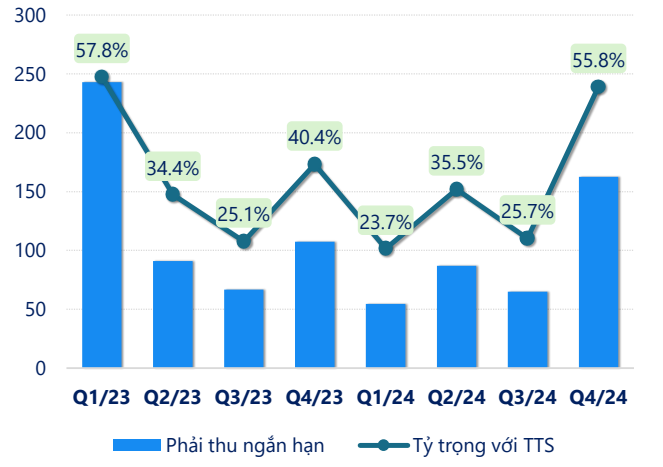

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

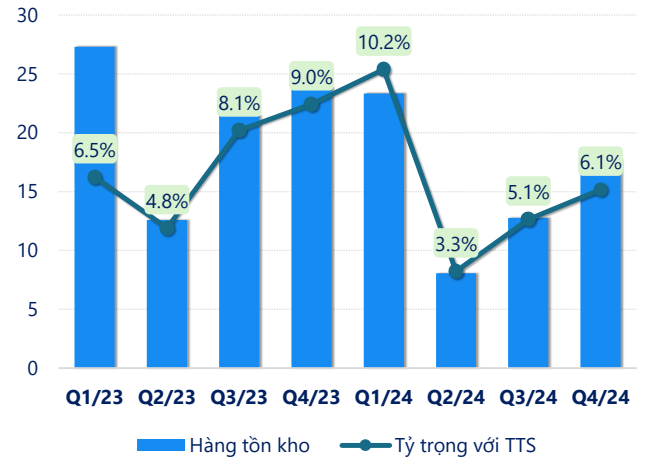

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

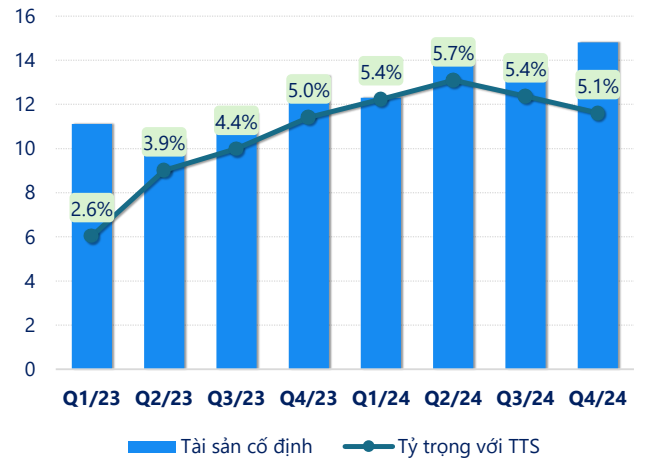

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

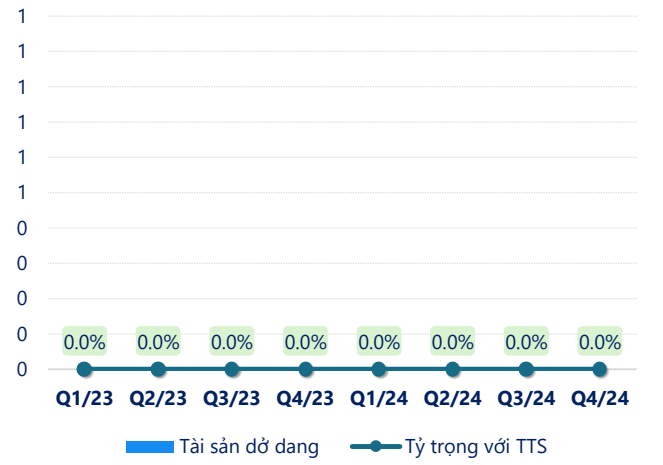

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

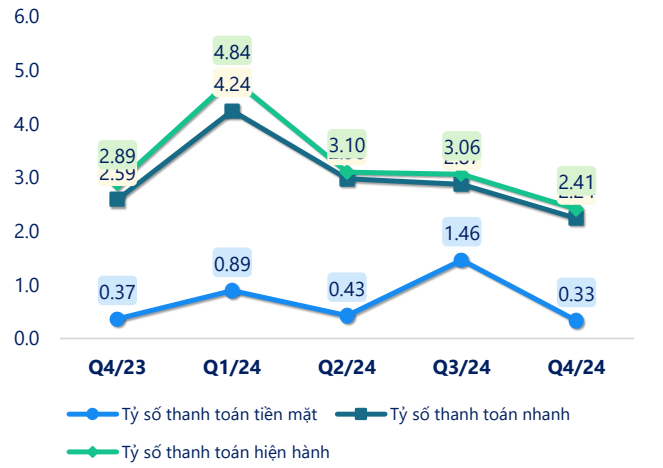

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

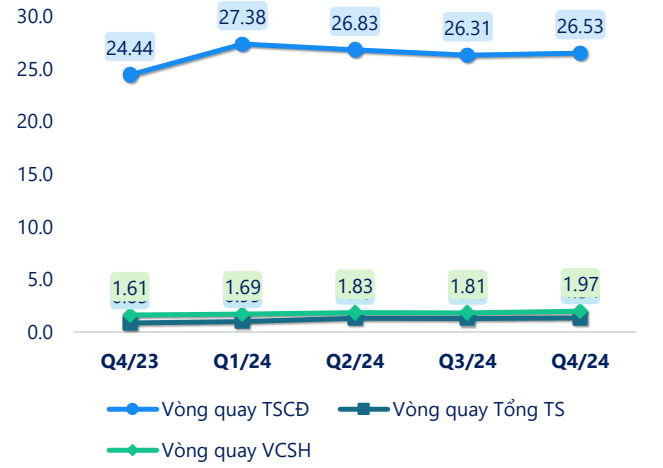

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**266**	**230**	**245**	**252**	**292**
Tài sản ngắn hạn	**224**	**190**	**203**	**211**	**247**
Tiền và tương đương tiền	28.4	34.9	28.0	101	33.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59.5	74.3	78.3	32.5	32.5
Phải thu ngắn hạn	107	54.5	86.9	65.0	163
Hàng tồn kho	23.9	23.3	8.06	12.8	17.7
Tài sản ngắn hạn khác	5.18	2.63	1.62	0.01	0.02
Tài sản dài hạn	**41.6**	**40.2**	**42.1**	**41.5**	**44.8**
Phải thu dài hạn	0.04	0.04	0.04	0.04	0.04
Tài sản cố định	13.3	12.3	14.0	13.7	14.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	5.04	5.04	5.04	5.04	5.04
Tài sản dài hạn khác	23.2	22.8	23.0	22.7	24.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**77.5**	**39.2**	**65.5**	**69.0**	**102**
Nợ ngắn hạn	**77.5**	**39.2**	**65.5**	**69.0**	**102**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	28.4	13.0	15.4	4.52	45.9
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**188**	**191**	**179**	**183**	**189**
Vốn chủ sở hữu	**188**	**191**	**179**	**183**	**189**
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)